TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST Ngày: 16 - 4 - 2021 V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thành và bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số:12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Bảo Nh, sinh năm: 1995 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

- Bị đơn: Ông Lê Quang Đ, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Bảo Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh quen biết với ông Lê Quang Đ vào năm 2013. Sau một thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình vợ chồng tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/8/2013 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số I/2013). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (ở chung nhà ngoại). Nhưng từ khoảng cuối năm 2018 vợ chồng xảy ra Nhều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên bà Nh đã dọn ra thuê trọ (ở cùng thôn) sống ly thân với ông Đ. Nguyên nhân theo bà Nh trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách; ông Đ sống không có trách Nhệm với vợ con, không lo làm

ăn mà chỉ mê chơi game, kinh tế gia đình để mình bà gánh vác, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vào năm 2019 bà Nh đã nộp đơn ly hôn, nhưng gia đình khuyên ngăn và ông Đ đã cam kết sẽ thay đổi để vợ chồng làm ăn lo cho con, nên bà đã rút đơn khởi kiện theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2019 của Tòa án; nhưng ông Đ không thay đổi nên bà Nh mới nộp lại đơn ly hôn. Chuyện vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã Nhều năm, cũng do thói lười biếng, mê chơi game của ông Đ và cha mẹ bà có hòa giải gia đình nhưng không thành. Bà Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn để đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Quang Đ. Bà Nh đã nói chuyện rõ ràng về việc ly hôn nhưng ông Đ nói không xuống Tòa và nói bà tự đơn phương ly hôn, nên bà Nh đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo pháp luật, vì bà nhất quyết phải ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có con chung là cháu Lê Hoàng Thiên Ph, sinh ngày 01/8/2014; còn cháu Lê Thái Thùy L, sinh ngày 11/10/2012 là con riêng của bà Nh. Vào năm 2018 do muốn con có cha mẹ nên vợ chồng đã thỏa thuận ông Đ đi làm thủ tục nhận cha cho con tại UBND xã Hộ Hải. Khi đi làm thủ tục thì vợ chồng đã thống nhất không có tranh chấp gì nên khi đó không có đi giám định ADN cháu L và ông Đ, chỉ làm bản cam kết vợ chồng đồng ý cháu Dương Đình Thùy L, sinh ngày 11/10/2012 là con chung và cải chính giấy khai sinh đổi họ tên của cháu L sang họ của ông Đ; từ Dương Đình Thùy L sang Lê Thái Thùy L được UBND xã Hộ Hải cấp giấy khai sinh mới, cấp trích lục đăng ký nhận cha, con số 16/TLCMC ngày 31/5/2018 và từ khi vợ chồng lấy nhau vào năm 2013 ông Đ cũng đối xử tốt với cháu L. Bà Nh đồng ý cháu L là con chung của bà và ông Lê Quang Đ theo pháp luật.

Khi ly hôn bà Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi các con chung, vì bà muốn các con ở gần nhau để được sự chăm sóc tốt của mẹ và bà không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nh hiện nay làm nghề bán thịt heo và chiều làm thêm phục vụ ở quán nhậu, thu nhập bình quân khoảng 7.500.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện về kinh tế để lo cho các con và bà Nh làm công việc tự do nên không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thu nhập. Bà Nh đồng ý sẽ tạo điều kiện cho ông Đ được thường xuyên thăm nom con theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang Đ đã được Tòa án thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tố tụng thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng cố tình trốn tránh, từ chối tham gia tố tụng; nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai để ghi nhận ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nh.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Bảo Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa đã thực hiện đúng Nhệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Dương Thị Bảo Nh đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn ông Lê Quang Đ không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt từ khi thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho bà Dương Thị Bảo Nh được ly hôn với ông Lê Quang Đ. Về con chung: Giao 02 con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng và ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Nh không yêu cầu. Bà Nh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Bà Dương Thị Bảo Nh có đơn yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang Đ và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Nên có căn cứ xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ông Lê Quang Đ là người bị kiện có nơi cư trú tại Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Lê Quang Đ đã được thông báo đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng không chấp hành. Tòa án đã xác minh, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định và thông báo bằng điện thoại; nhưng ông Đ vẫn cố tình vắng mặt lần hai không có lý do; do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Bảo Nh và ông Lê Quang Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hộ Hải cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2018 nên đã ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo bà Nh trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, không tìm được tiếng nói chung; ông Đ sống không có trách Nhệm với vợ con, không lo làm ăn mà chỉ mê chơi game, kinh tế gia đình để mình bà gánh vác, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn để đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Quang Đ. Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã Thông báo các văn bản tố tụng, thời gian mở phiên tòa; nhưng ông Đ từ chối tham gia tố tụng, cố tình trốn

tránh nên được xem như từ bỏ thực hiện quyền nghĩa vụ của mình và hậu quả pháp lý ông Đ phải chịu theo qui định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh ngày 10/12/2020 chính quyền địa phương xác nhận hiện nay vợ chồng bà Nh, ông Đ không còn sống chung với nhau do xảy ra mâu thuẫn; phù hợp với trình bày của ông Dương Văn Ng và bà Nguyễn Thị K (cha mẹ bà Nh) xác nhận giữa bà Nh và ông Đ xảy ra mâu thuẫn gay gắt từ năm 2018, thường xuyên cự cãi nhau về kinh tế do ông Đ mê chơi game không có trách Nhệm với vợ con; nên bà Nh đã ra ngoài thuê nhà trọ sống, vợ chồng không thể nói chuyện với nhau và ly thân cho đến nay. Bà Khá cũng xác nhận vào năm 2019 bà Nh có nộp đơn ly hôn với ông Đ, vợ chồng bà biết và khuyên ngăn không cho ly hôn, nên đã rút đơn khởi kiện; nhưng về vợ chồng cũng không ở được với nhau, Nh vẫn ở trọ gần nhà bà, thường xuyên về đưa tiền cho bà nuôi con, thăm 02 con chứ không nói chuyện và hòa hợp được với Đ. Vợ chồng bà cũng đã khuyên ngăn cả hai Nhều lần để hòa thuận nuôi dạy con cái, thậm chí ngăn cản không cho ly hôn, nhưng do tính cách không hợp nhau nên không thể sống chung, kéo dài cũng khổ cả hai; nên bà đề nghị Tòa án cho bà Nh và ông Đ được ly hôn với nhau. Từ đó, cho thấy lời trình bày của bà Nh về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật.

Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông Lê Quang Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Dương Thị Bảo Nh xin được ly hôn với ông Lê Quang Đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung và nguyện vọng nuôi con khi ly hôn:

[3.1] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Dương Thị Bảo Nh xác nhận bà và ông Lê Quang Đ có con chung là cháu Lê Hoàng Thiên Ph sinh ngày 01/8/2014; còn cháu Lê Thái Thùy L (Dương Đình Thùy L) sinh ngày 11/10/2012 là con riêng của bà. Vào năm 2018 do muốn con có cha có mẹ nên vợ chồng đã thỏa thuận ông Đ làm thủ tục nhận cha con cho cháu L và cải chính giấy khai sinh đổi họ tên của cháu L sang họ của ông Đ và được UBND xã H cấp trích lục khai sinh mới.

Xét thấy, trình bày của bà Nh về con chung là phù hợp với trình bày tại biên bản xác minh ngày 10/12/2020 của ông Dương Văn Ngôi và đơn trình bày ý kiến ngày 18/12/2020 của bà Nguyễn Thị Khá. Việc bà Nh, ông Đ đi làm thủ tục nhận cha con cho cháu Dương Đình Thùy L là hoàn toàn tự nguyện không tranh chấp, nên UBND xã H cấp trích lục đăng ký nhận cha, con số 16/TLCMC ngày 31/5/2018 để xác nhận đăng ký việc nhận cha, con giữa ông Lê Quang Đ và cháu Dương Đình Thùy L phù hợp theo qui định tại Điều 92, khoản 1 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 24, Điều 25 Luật hộ tịch. Đồng thời UBND xã H cải chính họ tên cháu Dương Đình Thùy L, sinh ngày 11/10/2012 tại giấy khai sinh số 261 (quyển số 02/2012) ngày 05/11/2012 thành Lê Thái Thùy L sinh ngày 11/10/2012 và cấp trích lục khai sinh số 420/TLKS-BS ngày 31/5/2018 là phù hợp theo qui định tại Điều 26 Luật hộ tịch 2014. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân bà Nh và ông Đ có 02 con chung là cháu Lê Thái Thùy

L (Dương Đình Thùy L) sinh ngày 11/10/2012 và cháu Lê Hoàng Thiên Ph sinh ngày 01/8/2014, quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ và con thực hiện theo qui định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3.2] Xét nguyện vọng nuôi con chung của bà Nh thì thấy: Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2020 của ông Dương Văn Ngôi và đơn trình bày ý kiến ngày 18/12/2020 của bà Nguyễn Thị Khá thể hiện các cháu L và Phúc cùng cha mẹ sống tại nhà ngoại, được ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc từ nhỏ cho đến nay. Do vợ chồng lục đục nên bà Nh ra ở trọ gần nhà, nhưng có thường xuyên về đưa tiền cho bà ngoại nuôi con, còn ông Đ do công việc không ổn định, làm chỉ đủ nuôi sống bản thân, lâu lâu mới cho các con ít tiền mua bánh, nên cũng không phụ ông bà ngoại nuôi con. Cho thấy, ông Đ chưa làm tròn trách Nhệm của một người cha đối với các con và cũng phù hợp với trình bày của bà Nh.

Về điều kiện kinh tế: Bà Nh trình bày hiện làm nghề bán thịt heo và làm thêm phục vụ ở quán nhậu, thu nhập bình quân khoảng 7.500.000 đồng/tháng nên có đủ điều kiện về kinh tế để lo cho các con, khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi 02 con và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà Nh là lao động tự do nên việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh là phù hợp với thực tế. Tại biên bản xác minh ngày 10/12/2020 chính quyền địa phương và gia đình bà Nh cũng xác nhận hiện nay bà Nh phụ chị ruột bán thịt heo tại chợ Phan Rang và có làm thêm phục vụ ở quán nhậu, căn cứ vào mức thu nhập lao động bình quân 250.000 đồng/ngày như bà Nh trình bày là phù hợp. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Nh có đủ điều kiện để nuôi con chung phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Ông Lê Quang Đ từ chối tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con chung và hiện không có mặt tại địa phương.

Vì vậy, việc giao 02 con chung cho bà Nh trực tiếp nuôi là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu L muốn ở với mẹ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Nh tự nguyện không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Bảo Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Dương Thị Bảo Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bảo Nh đối với ông Lê Quang Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Bảo Nh được ly hôn với ông Lê Quang Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung gồm cháu Lê Thái Thùy L (Dương Đình Thùy L) sinh ngày 11/10/2012 và cháu Lê Hoàng Thiên Ph sinh ngày 01/8/2014 cho bà Dương Thị Bảo Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lê Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà Nh không yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có căn cứ theo qui định tại khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Dương Thị Bảo Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Dương Thị Bảo Nh phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021642 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (*bà Nh đã nộp đủ án phí*).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2021), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- CCTHADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã H
(GCNKH số 79 ngày 07/8/2013);
- Lưu HS + Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghiêm